

**CÔNG TY TNHH BĐS VIỆT TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BĐS VIỆT TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703077555

**3. Ngày thành lập:** 15/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 77, đường số 8, Khu dân cư Hiệp Thành 3, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743830777

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                    | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                        | 4322                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                               | 4329                                                         |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                               | 4330                                                         |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                          | 4390                                                         |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                           | 4649                                                         |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)                                                                                                     | 4663                                                         |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản                                                                                         | 6820(Chính)                                                  |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                          | 7110                                                         |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                               | 7410                                                         |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                       | 7710                                                         |
| 11. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                      | 4791                                                         |
| 12. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                    | 5510                                                         |
| 13. | Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                               | 5629                                                         |
| 14. | Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                            | 5630                                                         |
| 15. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                     | 8219                                                         |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                            | 4101                                                         |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                      | 4102                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                 | 4212                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                            | 4229                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                   | 4299                                                         |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                       | 4311                                                         |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                            | 4312                                                         |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                        | 4321                                                         |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4752                                                         |
| 25. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN XUÂN BÁCH | Việt Nam  | Thôn Nam Sơn, Xã Mai Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam                  | 1.200.000.000         | 60,000    | 194380544                                                                                               |         |
| 2   | ĐẶNG CHÍ LINH  | Việt Nam  | Khu phố Khánh Lộc, Phường Tân Phước Khánh, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 800.000.000           | 40,000    | 281256211                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN XUÂN BÁCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 194380544

Ngày cấp: 28/03/2008

Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ thường trú: Thôn Nam Sơn, Xã Mai Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương